

Bản án số: 58/2022/KDTM-ST

Ngày: 24-8- 2022

*V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lý
2. Bà Lê Thị Chí

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLST-KDTM ngày 22/5/2022 về việc Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2022/QĐST-KDTM ngày 05/8/2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Công ty TNHH B; địa chỉ trụ sở: Số Q đường L, phường B, Quận P, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thị Xuân H (Văn bản ủy quyền lập ngày 13/6/2022), (Có đơn xét xử vắng mặt).

***2. Bị đơn:*** Công ty TNHH K; địa chỉ trụ sở: Số U đường P, Phường T, quận G, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Minh H; địa chỉ: Số U đường P, Phường T, quận G, Thành phố H (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2022, bản tự khai ngày 13 tháng 6 năm 2022 và các biên bản làm việc tại tòa Người đại diện ủy quyền

của nguyên đơn - bà H trình bày: Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) và Công ty TNHH K (Công ty K) có ký hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 0101/2018/HĐDVVC/B-K ngày 01/01/2018 nội dung Công ty TNHH B thực hiện dịch vụ vận chuyển những lô hàng xuất/nhập cho Công ty TNHH K tại Việt Nam; thời hạn hợp đồng là 01 năm và mặc nhiên gia hạn cho những năm tiếp theo.

Tính đến ngày 31/12/2020 thì Công ty TNHH K còn nợ Công ty TNHH B số tiền là 408.383.760 đồng. Sau nhiều lần nhắc và yêu cầu trả nợ nhưng Công ty TNHH K cố tình trốn tránh.

Nay Công ty TNHH B khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH K phải thanh toán số tiền còn nợ là 408.383.760 đồng và số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là  $408.383.760 \text{ đồng} \times 8\% = 36.670.700 \text{ đồng}$ . Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 441.054.460 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**\* Bị đơn:** Công ty TNHH K do bà Đỗ Minh H là đại diện theo pháp luật mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH K không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của Công ty TNHH K trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vận chuyển còn nợ là 408.383.760 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm tương đương 36.720.000 đồng, đây là tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng vận chuyển được ký kết giữa hai pháp nhân với nhau. Bị đơn là Công ty TNHH K (Sau đây gọi tắt là Công ty K) có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Công ty TNHH B (Sau đây gọi tắt là Công ty B) do bà Phùng Thị Xuân H là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là Công ty K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng Công ty K đã vắng mặt đến lần thứ hai.

Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn là Công ty TNHH K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án nên Công ty TNHH K đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Công ty TNHH K phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xét, giải quyết vắng mặt Công ty TNHH K theo Khoản 4 Điều 91 và điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền cước vận chuyển còn nợ là 408.383.760 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số: 0101/2018/HDDVVX/B-K ký ngày 01/01/2018 giữa là Công ty B (Bên A) với là Công ty K (Bên B) có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 398 và Điều 401 Bộ luật dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thực hiện đối với các bên liên quan. Theo đó, nội dung hợp đồng thể hiện Bên A thực hiện dịch vụ vận chuyển những lô hàng nhập/ xuất của bên B ở Việt Nam.

Theo thỏa thuận tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng vận chuyển nêu trên quy định về phương thức thanh toán như sau: “ Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho bên A trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh bảng tổng hợp cước phí”.

Căn cứ Thư xác nhận phải thu ngày 08/02/2021 do nguyên đơn cung cấp có xác nhận của Công ty K thể hiện số tiền Công ty K còn nợ Công ty B tính đến thời điểm 31/12/2020 là 408.383.760 đồng.

Như vậy sau khi xác nhận nợ Công ty K đã không thanh toán số tiền 408.383.760 đồng cho Công ty B. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty B về việc buộc Công ty K phải thanh toán số tiền cước vận chuyển còn nợ 408.383.760 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Xét yêu cầu bị đơn thanh toán phạt vi phạm hợp đồng là 32.670.700 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo thỏa thuận tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng vận chuyển nêu trên quy định về trường hợp bên B không thanh toán đúng thời hạn quy định thì Bên B phải chịu thêm khoản tiền phạt là 0,1%/ngày trên số nợ phát sinh tính từ ngày quá hạn đồng thời Bên A có quyền ngưng cung cấp dịch vụ”. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu chỉ yêu cầu mức phạt vi phạm 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, cụ thể là  $408.383.760 \text{ đồng} \times 8\% = 32.670.700 \text{ đồng}$ .

Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 có quy định về mức phạt vi phạm như sau: “Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm...”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng

xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 32.670.700 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 408.383.760 đồng và tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 32.670.700 đồng. Tổng cộng là 441.054.460 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên ghi nhận.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của Công ty B được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 21.642.178 đồng. Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Công ty B là 10.821.089 đồng theo biên lai thu số 0048383 ngày 23/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 530, Điều 533, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 301 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH K phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH B số tiền nợ cước vận chuyển là 408.383.760đ (Bốn trăm linh tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 32.670.700đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bảy trăm đồng). Tổng cộng là 441.054.460đ (Bốn trăm bốn mươi một nghìn không trăm năm

mười bốn ngàn bốn trăm sáu mươi đồng). Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Công ty TNHH K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 21.642.178đ (Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Công ty TNHH B là 10.821.089đ (Mười triệu tám trăm hai mươi một nghìn không trăm tám mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0048383 ngày 23/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Công ty TNHH B, Công ty TNHH K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Vũ Thị Huệ**

